











Phước Long, ngày 14 tháng 10 năm 2022

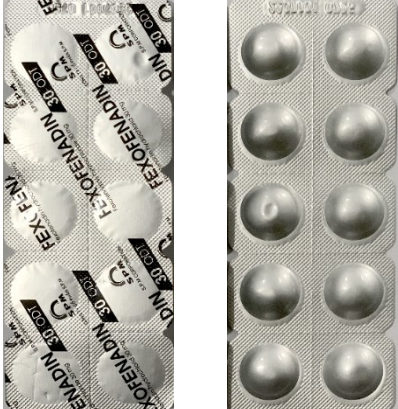
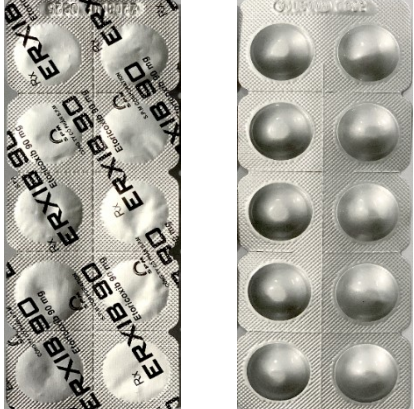


**DANH MỤC THUỐC NHÌN GIỐNG NHAU - ĐỘC GIỐNG NHAU**  
**(LASA: Look Alike - Sound Alike)**  
Cập nhật từ ngày 14/10/2022

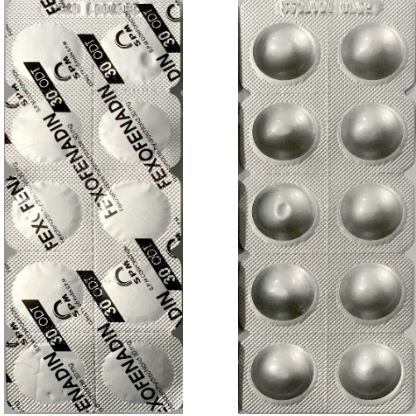



**DANH MỤC THUỐC LASA TRUNG TÂM Y TẾ PHƯỚC LONG NĂM 2022**

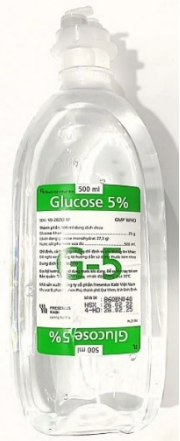
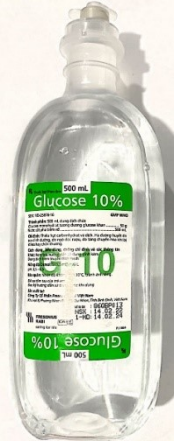


1. DANH MỤC THUỐC TÂN DƯỢC NHÌN GIỐNG NHAU		
STT	TÊN THUỐC	
1	<p><b>CAPTOPRIL</b></p> 	<p><b>TRIMEBUTIN</b></p> 
	<p>- Viên nhôm màu trắng. - Qui cách đóng gói: 10 viên/ vỉ, viên nén tròn màu trắng.</p>	
	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Captopril 25mg - <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có chữ “<b>CAPTOPRIL</b>” màu xanh dương và tên hoạt chất có màu đen. - <b>NSX:</b> Khapharco Pharm.co</p>	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Trimebutin maleat 100mg - <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có chữ “<b>TRIMEBUTIN</b>” màu xanh dương và tên hoạt chất có màu đen. - <b>NSX:</b> TV.Pharm</p>





	<b>ISOSORBID</b>	<b>Ambroxol</b>
2		
<p>- Viên nhôm màu trắng.</p> <p>- <b>Qui cách đóng gói:</b> 10 viên/ vỉ, viên nén tròn màu trắng.</p> <p>- <b>Cùng NSX :</b> Khapharco Pharm.co</p>		
<p>- <b>Hoạt chất:</b> Isosorbide 10mg</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có chữ <b>“ISOSORBID”</b> màu đỏ và tên hoạt chất có màu đen.</p>		<p>- <b>Hoạt chất:</b> Ambroxol 30mg</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có chữ <b>“Ambroxol”</b> và tên hoạt chất có màu đỏ cam.</p>
	<b>ISOSORBID</b>	<b>Katrypsin</b>
3		
<p>- Viên nhôm màu trắng.</p> <p>- <b>Qui cách đóng gói:</b> 10 viên/ vỉ, viên nén tròn màu trắng.</p> <p>- <b>Cùng NSX:</b> Khapharco pharm.co</p>		
<p>- <b>Hoạt chất:</b> Isosorbide dinitrate 10mg</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có chữ <b>“ISOSORBID”</b> màu đỏ và tên hoạt chất có màu đen.</p>		<p>- <b>Hoạt chất:</b> Alphachymotrypsin 4200UI.</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có chữ <b>“Katrypsin”</b> màu vàng và tên hoạt chất có màu xanh lá.</p>

4	<p style="text-align: center;"><b>CINNARIZIN</b></p> 	<p style="text-align: center;"><b>BROMHEXIN</b></p> 
	<p>- Viên nhôm màu trắng</p> <p>- <b>Qui cách đóng gói:</b> 25 viên/vi, viên nén tròn</p> <p>- <b>Cùng NSX:</b> Khapharco pharm</p>	
	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Cinnarizin 25mg</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>CINNARIZIN</b>” màu xanh và tên hoạt chất có màu đỏ.</p>	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Bromhexin 8mg</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>BROMHEXIN</b>” màu đỏ và tên hoạt chất có màu xanh.</p>
5	<p style="text-align: center;"><b>Cypdicar 6.25 Tablets</b></p> 	<p style="text-align: center;"><b>Aspirin 81mg</b></p> 
	<p>- Viên nhôm màu trắng đục, viên nén tròn.</p> <p>- <b>Qui cách đóng gói:</b> 10 viên/vi</p>	
	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Carvedilol 6,25mg</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>Cypdicar 6.25 Tablets</b>” và tên hoạt chất, NSX có màu đen.</p> <p>- <b>NSX:</b> Remedica Ltd</p>	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Aspirin 81mg</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>Aspirin</b>” màu xanh, hàm lượng <b>81 mg</b> màu đỏ và NSX có màu xanh lá.</p> <p>- <b>NSX:</b> TV. Pharm</p>

	<b>FEXOFENADIN 30 ODT</b>	<b>ERXIB 90</b>
		
<b>6</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vi nhôm màu trắng bạc</li> <li>- Qui cách đóng gói: <b>10 viên/vỉ, vỉ có hình răng cưa</b></li> <li>- Cùng NSX: <b>SPM</b></li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Fexofenadin 30mg</li> <li>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>FEXOFENADIN</b>”, tên hoạt chất và hàm lượng màu đen, <b>30 ODT</b> được bôi đen.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Etoricoxib 90mg</li> <li>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>ERIXIB 90</b>”, tên hoạt chất và hàm lượng màu đen.</li> </ul>
	<b>FEXOFENADIN 30 ODT</b>	<b>ROTUNDIN-SPM</b>
		
<b>7</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vi nhôm màu trắng bạc</li> <li>- Qui cách đóng gói: <b>10 viên/vỉ, vỉ có hình răng cưa</b></li> <li>- Cùng NSX: <b>SPM</b></li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Fexofenadin 30mg</li> <li>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>FEXOFENADIN</b>”, tên hoạt chất và hàm lượng màu đen, <b>30 ODT</b> được bôi đen.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Rotundin 30mg</li> <li>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>ROTUNDIN-SPM</b>”, tên hoạt chất có màu đen.</li> </ul>





	<b>FEXOFENADIN 30 ODT</b>	<b>TESAFU</b>
8		
	<p>- Vị nhôm màu trắng bạc</p> <p>- <b>Qui cách đóng gói:</b> 10 viên/vỉ, vỉ có hình răng cưa</p>	
<p>- <b>Hoạt chất:</b> Fexofenadin 30mg</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>FEXOFENADIN</b>”, tên hoạt chất và hàm lượng <b>màu đen</b>, <b>30 ODT</b> được bôi đen.</p> <p>- NSX: SPM</p>	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Rupatadin 10mg</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>TESAFU</b>”, tên hoạt chất và hàm lượng <b>màu đen</b>.</p> <p>- NSX: Medisun</p>	
9	<b>Loratadine SPM 5mg</b>	<b>RESPAMXOL 20</b>
		
<p>- Vị nhôm màu trắng bạc</p> <p>- <b>Qui cách đóng gói:</b> 10 viên/vỉ, vỉ có hình răng cưa</p>		
<p>- <b>Hoạt chất:</b> Loratadine 5mg</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>LoratadineSPM</b>”, tên hoạt chất <b>màu xanh lá</b> và hàm lượng <b>màu đỏ</b>.</p> <p>- NSX: SPM</p>	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Bambuterol 20mg</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>RESPAMXOL 20</b>” <b>màu tím</b>, tên hoạt chất và hàm lượng <b>màu đen</b>.</p> <p>- NSX: Medisun</p>	





10	<b>Glucose 5% 500ml</b>	<b>Glucose 10% 500ml</b>
		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chai nhựa màu trắng, trong.</li> <li>- <b>Qui cách đóng gói:</b> chai 500ml</li> <li>- <b>Kích thức, hình dạng của chai:</b> đều giống nhau</li> <li>- <b>Cùng NSX:</b> Công ty CP Fresenius Kabi Bidiphar</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Glucose 5%</li> <li>- Trên chai có chữ “Glucose 5%” nằm ở 2 đầu chai màu trắng trên nền <b>màu Xanh lá cây</b>. 500ml 2 đầu trên nền <b>màu trắng</b>. Có ký hiệu <b>G-5 màu xanh lá cây</b> ở giữa chai.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Glucose 10%</li> <li>- Trên chai có chữ “Glucose 10%” nằm ở 2 đầu chai màu trắng trên nền <b>màu Xanh lá cây</b>. 500ml 2 đầu trên nền <b>màu trắng</b>. Có ký hiệu <b>G-10 màu xanh lá cây</b> ở giữa chai.</li> </ul>
11	<b>Ringer Lactate</b>	<b>Glucose 30%</b>
		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chai nhựa màu trắng, trong.</li> <li>- <b>Qui cách đóng gói:</b> chai 500ml</li> <li>- <b>Kích thức, hình dạng của chai:</b> đều giống nhau</li> <li>- <b>Cùng NSX:</b> Công ty CP Fresenius Kabi Bidiphar</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b></li> <li>- Trên chai có chữ “Ringer Lactate” màu đen nằm ở 2 đầu chai màu trắng trên nền <b>màu vàng</b>. 500ml 2 đầu trên nền <b>màu trắng</b>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Glucose 30%</li> <li>- Trên chai có chữ “Glucose 30%” màu đen nằm ở 2 đầu chai màu trắng trên nền <b>màu cam</b>. 500ml 2 đầu trên nền <b>màu đỏ cam</b>.</li> </ul>





	<b>BFS-NEOSTIGMINE 0.25</b>	<b>ZENSONID</b>
		
<b>12</b>	<p>- Ống nhựa màu trắng</p> <p>- <b>Kích thước, màu sắc:</b> gần giống nhau</p> <p>- <b>Cùng NSX:</b> Công ty CP DP CPC1 Hà Hội</p>	
	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Neostigmine 0,25mg/ml</p> <p>- <b>Thông tin trên lọ thuốc:</b> “<b>BFS-NEOSTIGMINE</b>” và TB, TTM, TDD có <b>màu cam</b>, tên hoạt chất <b>màu đen</b>.</p> <p>- Dung tích: 1ml.</p>	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Budesonid 0,5mg/2,0ml</p> <p>- <b>Thông tin trên lọ thuốc:</b> “<b>ZENSONID</b>”, tên hoạt chất <b>màu trắng</b> trên nền <b>màu xanh</b>. Lưu ý: <b>KHÔNG ĐƯỢC TIÊM</b>.</p> <p>- Dung tích: 2ml.</p>
	<b>BFS-NEOSTIGMINE 0.25</b>	<b>DIGOXIN</b>
		
<b>13</b>	<p>- Ống nhựa màu trắng.</p> <p>- <b>Kích thước, màu sắc:</b> gần giống nhau, cùng dung tích 1ml.</p> <p>- <b>Cùng NSX:</b> Công ty CP DP CPC1 Hà Hội</p>	
	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Neostigmine 0,25mg/ml</p> <p>- <b>Thông tin trên lọ thuốc:</b> “<b>BFS-NEOSTIGMINE</b>” và TB, TTM, TDD có <b>màu cam</b>, tên hoạt chất <b>màu đen</b>.</p>	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Digoxin 0,25mg/ml</p> <p>- <b>Thông tin trên lọ thuốc:</b> “<b>DIGOXIN-BFS</b>” <b>màu vàng</b>, hoạt chất, TTM (chậm) <b>màu đen</b> trên nền <b>màu đỏ</b>.</p>

14	<b>Piracetam 400mg</b>	<b>Vadol 325 caps</b>
		
	<p>- Viên nhom màu trắng</p> <p>- <b>Qui cách đóng gói:</b> 10 viên/vỉ, viên nang có hai màu <b>cam và trắng</b>.</p>	
<p>- <b>Hoạt chất:</b> Piracetam 400mg</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>Piracetam</b>” và <b>hàm lượng màu đỏ cam</b>, tên hoạt chất <b>màu đen</b>.</p> <p>- NSX: <b>Khapharco Pharm.co</b></p>	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Paracetamol 325mg</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>Vadol 325 caps</b>”, tên hoạt chất và hàm lượng <b>màu đen</b>.</p> <p>- NSX: <b>Vacopharm</b>.</p>	
15	<b>GENTAMICIN</b>	<b>KERONBE</b>
		
	<p>- Ống thủy tinh <b>màu nâu</b></p> <p>- <b>Cùng thể tích:</b> ống 2ml</p> <p>- <b>Kích thước, màu sắc của ống:</b> gần giống nhau</p>	
<p>- Hoạt chất: <b>Gentamicin 80mg/2ml</b></p> <p>- Thông tin trên ống thuốc: “<b>GENTAMICIN</b>”, tên hoạt chất, hàm lượng, TB – TM có <b>màu trắng</b> trên nền ống <b>màu nâu</b>.</p>	<p>- Hoạt chất: <b>Ketoprofen 100mg/2ml</b></p> <p>- Thông tin trên ống thuốc: “<b>KERONBE</b>”, tên hoạt chất và chữ <b>Tiêm bắp màu trắng</b> trên nền ống <b>màu nâu</b>.</p>	











	<p style="text-align: center;"><b>A.T Furosemid inj</b></p> 	<p style="text-align: center;"><b>PARACETAMOL A.T inj</b></p> 
16	<p>- Ống thủy tinh <b>màu nâu</b></p> <p>- <b>Cùng thể tích:</b> ống 2ml</p> <p>- <b>Kích thước, màu sắc của ống:</b> gần giống nhau</p> <p>- <b>NSX:</b> An Thiên</p>	
	<p>- Hoạt chất: <b>Furosemide 20mg/2ml</b></p> <p>- Thông tin trên ống thuốc: “<b>A.T Furosemide inj</b>” và hoạt chất có <b>màu xanh</b>; hàm lượng <b>màu đỏ</b>; chữ ttm – tb màu trắng trên <b>nền xanh</b>.</p>	<p>- Hoạt chất: <b>Paracetamol 300mg/2ml</b></p> <p>- Thông tin trên ống thuốc: “<b>PARACETAMOL A.T inj</b>” và hoạt chất màu đen; hàm lượng <b>màu đỏ</b></p>
	<p style="text-align: center;"><b>Dextromethorphan 10</b></p> 	<p style="text-align: center;"><b>DEXTROMETHORPHAN 15</b></p> 
17	<p>- Viên nhôm màu trắng</p> <p>- <b>Qui cách đóng gói:</b> 10 viên/vỉ, viên nén</p> <p>- Cùng NSX: Vacopharm</p>	
	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Dextromethorphan 10mg</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>Dextromethorphan 10</b>” và tên hoạt chất và công ty có <b>màu đỏ cam</b> nằm ngang trên vỉ.</p>	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Dextromethorphan 15mg</p> <p>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>DEXTROMETHORPHAN 15</b>” và tên hoạt chất và công ty có <b>màu xanh</b> nằm nghiêng trên vỉ.</p>

18	<b>DEXCLORPHENIRAMIN 6</b>	<b>Alverin</b>
		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viên màu trắng</li> <li>- Qui cách đóng gói: 10 viên/vỉ,</li> <li>- Cùng NSX: KHAPHACO PHARM.CO</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Dexclopheniramin 6mg</li> <li>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>DEXCLORPHENIRAMIN6</b>” và tên hoạt chất có <b>màu đỏ</b>. Tên công ty màu đen.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Alverin 40mg</li> <li>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>Alverin</b>” màu <b>đỏ cam</b> và tên hoạt chất và tên công ty có <b>màu xanh</b>.</li> </ul>
19	<b>A.Tzinc SIRO</b>	<b>A.TiSalbu</b>
		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống mũi <b>màu nâu</b></li> <li>- Qui cách đóng gói: 05 ống 5ml/vỉ</li> <li>- Cùng NSX: Công ty CPDP AN THIÊN</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Kẽm 10mg/5ml</li> <li>- <b>Nhãn:</b> có tên thuốc “<b>A.Tzinc SIRO</b>” và tên hoạt chất có <b>màu đen trong nền màu trắng</b>.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Salbutamol 2mg/5ml</li> <li>- <b>Nhãn:</b> có tên thuốc “<b>A.TiSalbu</b>” và tên hoạt chất có <b>màu trắng trên nền màu xanh</b>.</li> </ul>





20	<p style="text-align: center;"><b>Tisore</b></p> 	<p style="text-align: center;"><b>Caltestin</b></p> 
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Viên nang màu trắng</li> <li>- <b>Qui cách đóng gói:</b> 10 viên/vỉ, viên nang dài <b>màu đỏ</b>.</li> <li>- Cùng NSX: <b>Xuân Quang</b></li> </ul>	
<p>- <b>Mặt sau</b> vỉ thuốc: có tên thuốc “<b>Tisore</b>” viên nang cứng Khu phong hoá thấp và tên nhà sản xuất <b>màu đen</b>.</p>	<p>- <b>Mặt sau</b> vỉ thuốc: có tên thuốc “<b>Caltestin</b>”, viên nang cứng, Viêm đại tràng và tên nhà sản xuất có <b>màu đen</b></p>	
21	<p style="text-align: center;"><b>Falgankid 160</b></p> 	<p style="text-align: center;"><b>Falgankid 250</b></p> 
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống nhựa <b>màu nâu</b></li> <li>- <b>Qui cách đóng gói:</b> 05 ống nhựa <b>màu nâu</b></li> <li>- Cùng NSX: Công ty CPDP CPC1 Hà Nội</li> <li>- Cùng hoạt chất: Paracetamol</li> <li>- <b>Kích thích, màu sắc:</b> hoàn toàn giống nhau</li> </ul>	
<p>- <b>Hàm lượng:</b> Paracetamol <b>160mg/10ml</b>, trên ống có lưu ý <b>Không được tiêm</b></p>	<p>- <b>Hàm lượng:</b> Paracetamol <b>250mg/10ml</b>, trên ống có lưu ý <b>Không được tiêm</b></p>	





22	<b>Biragan 150</b>	<b>Biragan 300</b>	
			
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vỏ nhôm màu trắng</li> <li>- <b>Qui cách đóng gói:</b> 05 viên đặt/vi, hai vi dính nhau</li> <li>- <b>Cùng NSX:</b> Bidiphar</li> </ul>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Paracetamol 150mg</li> <li>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>Biragan 150</b>” và tên hoạt chất có <b>màu xanh</b>.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Paracetamol 300mg</li> <li>- <b>Mặt sau vỉ thuốc:</b> có tên thuốc “<b>Biragan 300</b>” và tên hoạt chất có <b>màu vàng</b>.</li> </ul>	
23	<b>Calci clorid</b>	<b>Dung môi pha tiêm NEUTRIVIT 5000</b>	
			
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống thủy tinh màu trắng <b>có chữ màu đỏ</b></li> <li>- <b>Cùng thể tích:</b> ống 5ml</li> <li>- <b>Kích thước, màu sắc:</b> đều giống nhau</li> </ul>		
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Calci clorid 500mg/5ml</li> <li>- <b>Trên ống có chữ “<b>Calci clorid</b>”</b></li> <li>- <b>NSX:</b> MD PHARCO nằm trên ống</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Natri acetat 36,2mg + Alcol benzylic 50mg</li> <li>- <b>Trên ống có chữ :</b> dung môi pha tiêm “<b>NEUTRIVIT 5000</b>”</li> <li>- <b>NSX:</b> Bình Định nằm dưới ống</li> </ul>	

24	<b>Magnesi Sulfat Kabi 15%</b>	<b>Kali Clorid Kabi 10%</b>
		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống thủy tinh <b>màu xanh dương</b></li> <li>- <b>Cùng thể tích:</b> ống 10ml</li> <li>- <b>Kích thức, màu sắc:</b> đều giống nhau</li> <li>- <b>Cùng NSX:</b> Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Magnesisulfat 1.5g/10ml</li> <li>- <b>Trên ống có chữ:</b> “<b>Magnesi Sulfat Kabi 15%</b>” và tên hoạt chất <b>màu xanh nằm đứng</b>. Trên đầu ống có chấm màu <b>xanh lá cây</b>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Kali clorid 1g/10ml</li> <li>- <b>Trên ống có chữ:</b> “<b>Kali Clorid Kabi 10%</b>” và các chữ còn lại <b>màu xanh</b> nằm ngang.</li> </ul>
26	<b>TAXIBIOTIC 1000</b>	<b>ZIDIMBIOTIC 1000</b>
		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lọ thủy tinh màu trắng, <b>nắp xanh</b></li> <li>- <b>Qui cách đóng gói:</b> Hộp 01 lọ</li> <li>- <b>Kích thức, màu sắc của lọ:</b> đều giống nhau</li> <li>- <b>Cùng NSX:</b> Tenamyd Pharma CORP</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Cefotaxime 1000mg</li> <li>- <b>Trên lọ có chữ</b> “<b>TAXIBIOTIC 1000</b>”.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hoạt chất:</b> Ceftazidime 1000mg</li> <li>- <b>Trên lọ có chữ</b> “<b>ZIDIMBIOTIC 1000</b>”.</li> </ul>



27	<b>Natri Clorid 3%</b>	<b>Metronidazol Kabi</b>
		
	<p>- Chai nhựa màu trắng</p> <p>- <b>Qui cách đóng gói:</b> chai 100ml</p> <p>- <b>Kích thước, hình dạng của chai:</b> đều giống nhau</p> <p>- <b>Cùng NSX:</b> Công ty CP Fresenius Kabi Việt Nam</p>	
	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Natriclorid 3g/100ml</p> <p>- <b>Trên chai có chữ “Natri Clorid 3%”</b> và 100ml nằm ở 2 đầu chai trên <b>nền màu Hường.</b></p>	<p>- <b>Hoạt chất:</b> Metronidazol 500mg chai 100ml</p> <p>- <b>Trên chai có chữ “Metronidazol Kabi”</b> nằm ở trên đầu chai trên <b>nền màu cam.</b></p>
28	<b>VẮC-XIN PFIZER</b>	<b>VẮC-XIN 5 TRONG 1</b>
		
	<p>- <b>Qui cách đóng gói:</b> Lọ thủy tinh, trong</p> <p>- <b>Kích thước, hình dạng của lọ:</b> giống nhau, có nắp màu tím.</p>	
<p>- <b>Thông tin trên lọ thuốc:</b> tên thuốc “COMIRNATY”, COVID-19 mRNA màu đen</p>		<p>- <b>Thông tin trên lọ thuốc:</b> tên thuốc SII (PT-VGB-Hib), trên nhãn có 2 viên <b>màu tím</b> phía trên và phía dưới.</p>

## 2. DANH MỤC VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN NHÌN GIỐNG NHAU

	CÂU KỸ TỬ	SƠN THÙ
1		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị thuốc <b>màu nâu đỏ</b>, có mùi vị dễ chịu</li> <li>- Bộ phận dùng: quả</li> </ul>	
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận dùng: quả có hạt</li> <li>- Quả nhỏ hơn, màu nâu <b>đỏ tươi</b> hơn, cứng hơn do có hạt bên trong.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ phận dùng: vỏ quả không có hạt</li> <li>- Quả lớn hơn, màu nâu <b>đỏ sậm</b> hơn, mềm hơn.</li> </ul>
2	PHÒNG PHONG	ĐẰNG SÂM
		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị thuốc <b>màu vàng</b>.</li> <li>- <b>Qui cách đóng gói:</b> được cắt thành những khúc ngắn</li> <li>- <b>Mùi</b> nhẹ dễ chịu</li> <li>- <b>Bộ phận dùng:</b> rễ</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Rễ được cắt</b> thành những khúc ngắn dài khác nhau <b>sau đó chẻ làm 2</b>. Sờ tay vào mềm hơn, xốp hơn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Rễ được cắt</b> thành những khúc ngắn dài khác nhau. Sờ tay vào cứng hơn, sần sùi hơn.</li> </ul>	

3	<b>BẠC CHỈ</b>	<b>HOÀI SƠN</b>
		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị thuốc màu trắng.</li> <li>- <b>Qui cách đóng gói:</b> được cắt thành những lát mỏng</li> <li>- <b>Mùi</b> thơm nhẹ dễ chịu</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Bộ phận dùng:</b> Rễ</li> <li>- Rễ được cắt thành những lát mỏng. có vân rễ màu hơi vàng. <i>Sờ tay vào hơi cứng, giòn hơn</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Bộ phận dùng:</b> Củ</li> <li>- Củ được cắt thành những lát mỏng màu trắng. <i>Sờ tay vào cứng hơn.</i></li> </ul>	
4	<b>QUẾ CHI</b>	<b>XÍCH THUỘC</b>
		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vị thuốc màu vàng nâu.</li> <li>- <b>Qui cách đóng gói:</b> được cắt thành những khúc ngắn</li> </ul>	
<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Bộ phận dùng:</b> cành con</li> <li>- Cành được cắt thành những khúc ngắn hơi vàng có vỏ bao bên ngoài.</li> <li>- <b>Mùi:</b> mùi thơm đặc trưng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Bộ phận dùng:</b> Rễ</li> <li>- Rễ được cắt thành những khúc ngắn, bên trong có vòng tròn như bánh xe.</li> <li>- <b>Mùi:</b> dễ chịu</li> </ul>	



	<b>XUYÊN KHUNG</b>	<b>ĐỘC HOẠT</b>
	- Vị thuốc màu vàng nâu. - <b>Qui cách đóng gói:</b> được cắt thành những lát mỏng - <b>Bộ phận dùng:</b> thân rễ, rễ	
	- Rễ và thân rễ được cắt thành những miếng to, có nhiều cạnh hơi nâu - <b>Mùi:</b> mùi hơi hăng	- Rễ và thân rễ được cắt thành những miếng to, nhỏ khác nhau hơi vàng nâu. - <b>Mùi:</b> mùi hăng khó chịu
<b>5</b>		

### **3. DANH MỤC THUỐC TÂN DƯỢC ĐỘC GIỐNG NHAU**

	<b>TÊN THUỐC – TÊN HOẠT CHẤT</b>	<b>GHI CHÚ</b>
<b>1</b>	aceCYST	Biệt dược độc giống nhau
	aceTAZOLAMID	
<b>2</b>	apiBUFEN	Biệt dược độc giống nhau
	apiRYL	
<b>3</b>	atiLAIR CHEW	Biệt dược độc giống nhau
	atiSALBU	
<b>4</b>	bacLOFUS	Biệt dược độc giống nhau
	bacTEROCINT	
<b>5</b>	berBERIN	Biệt dược độc giống nhau
	berODUAL	
<b>6</b>	comBIGAN	Biệt dược độc giống nhau
	comIARYL	
<b>7</b>	glimeGIM	Biệt dược độc giống nhau
	glimePIRIDE	
	glimeT	
<b>8</b>	gluCOSE KABI	Biệt dược độc giống nhau

	gluMEFORM	
9	hemAFETIMAX	Biệt dược đọc giống nhau
	hemPRENOL	
10	kingDOMIN VITA C	Biệt dược đọc giống nhau
	kingLOBA	
11	MasAPON ()	Biệt dược đọc giống nhau
	MasOPEN ()	
12	medskin ERY (Erythromycin)	Biệt dược đọc giống nhau
	medskin FUSI (Fusidic acid)	
13	resPAMXOL (Bambuterol)	Biệt dược đọc giống nhau
	resPIRA (Moxifloxacin)	
	resTIVA (Diosmin)	
14	vacoDOMTIUM	Biệt dược đọc giống nhau
	vacoMETROL	
	vacoRIDEX	
15	vinsALMOL	Biệt dược đọc giống nhau
	vinsOLON	
	vinsTIGMIN	
16	vintANIL	Biệt dược đọc giống nhau
	vintERLIN	
17	zenCOMBI (Salbutamol + ipratropium)	Biệt dược đọc giống nhau
	zenSALBU (Salbutamol sulfat)	
18	zenSONID (Budesonid)	Biệt dược đọc giống nhau
	zenTANIL (Acetyl leucin)	
19	acetyl LEUCIN	
	acetylSALICYLIC ACID	
20	alFUZOSIN	
	alLOPURINOL	
21	alPHACHYMOTRYPSINE	
	alUMINUM PHOSPHATE	
22	amBROXOL	
	amIODARON HYDROCLORID	
23	atrACURIUM BESYLAT	
	atrOPIN	
24	betaHISTIN	
	betaMETHASON	

<b>25</b>	cefaCLOR	
	cefaDROXIL	
<b>26</b>	cefUROxim	
	cefOTAxim	
<b>27</b>	cefIxim	
	cefPODOxim	
<b>28</b>	CETIrizin	
	CINnarizin	
	FLUnarizin	
<b>29</b>	CLORPHENIRamin	
	DEXCLORPHENIRamin	
	DIPHENHYDRamin	
<b>30</b>	epHEDrin	
	epINEPHrin	
<b>31</b>	erythroMYCIN	
	erythroPOIETIN	
<b>32</b>	ESOMEprazol	
	OMEprazol	
	LANSOMEprazol	
	PANTOprazol	
	RABEprazol	
<b>33</b>	CELEcoxib	
	ETORIcoxib	
<b>34</b>	FEXOFENadin	
	LORATadin	
<b>35</b>	fluRBIPROFEN NATRI	
	fluTICASON PROPIONAT	
	fluVASTATIN	
<b>36</b>	gliBENCLAMID	
	gliCLAZID	
	gliMEPIRID	
<b>37</b>	glucoSAMIN	
	glucoSE	
<b>38</b>	isoFLURAN	
	isoSORBID	
<b>39</b>	ketoPROFEN	

	ketoROLAC	
40	levoCETIRIZIN	
	levoDOPA + CARBIDOPA	
	levoFLOXACIN	
41	LISINOpriL	
	CAPTOpriL	
	PERINDOpriL	
	RAMIpriL	
42	LOsartan	
	CANDEsartan	
	TELMIsartan	
43	LOvastatin	
	FLUvastatin	
	PRAvastatin	
	ROSUvastatin	
44	methOCARBAMOL	
	methyl PREDNISOLON	
	methylDOPA	
45	napHAZOLIN	
	napROXEN	
46	natri HYALURONAT	
	natri MONTELUKAST	
47	neoMYCIN	
	neoSTIGMIN METYLSULFAT	
48	NIZAtidin	
	RANItidin	
49	LEVOfloxacin	
	MOXIIfloxacin	
	Ofloxacin	
50	ERYTHROmycin	
	ROXITHROmycin	
	SPIRAmycin	
51	salBUTAMol	
	salMETERol	
52	spirAMYCIN	
	spirONOLACTON	

53	trimeBUTIN	
	trimeTAZIDIN	
<b>4. DANH MỤC VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN ĐỘC GIỐNG NHAU</b>		
1	bạch CHỈ	
	bạch LINH	
2	ĐẰNG sâm	
	NHÂN sâm	
3	BẠCH truật	
	THƯƠNG truật	
4	CÚC hoa	
	HỒNG hoa	
5	ĐỘC hoạt	
	KHƯƠNG hoạt	
6	hoàng CẨM	
	hoàng KỶ	
7	XÍCH thực	
	BẠCH thực	

**Danh mục LASA gồm có 82 cặp, trong đó:**

- Có 27 cặp thuốc tân dược nhìn giống nhau
- Có 05 cặp vị thuốc y học cổ truyền nhìn giống nhau
- Có 53 cặp thuốc tân dược độc giống nhau
- Có 07 cặp vị thuốc y học cổ truyền độc giống nhau

**NGƯỜI LẬP**

**TK. DƯỢC-TTB-VTYT**

**GIÁM ĐỐC**